

Bản án số: 32/2024/HS-ST
Ngày 28 - 02 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thế Hải
Ông Hoàng Bá Trung.

- **Thư ký phiên tòa** : Ông Phạm Viết Chiến – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa**: Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Phạm Thị T, sinh ngày 10 tháng 11 năm 1988 tại xã T thị xã N, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: TDP T, phường B, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Sỹ B (đã chết) và bà Bùi Thị L; có chồng là Hoàng Đức N (đã ly hôn), bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/11/2023 đến nay. Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án**:

+ Anh Nguyễn Phúc A, sinh năm 1990. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

+ Anh Hoàng Đức N, sinh năm 1993. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn M, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- **Người làm chứng**: Anh Đậu Quốc V, sinh năm 1988. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn 8, xã T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 19/02/2014, Phạm Thị T đăng ký kết hôn với anh Hoàng Đức N **tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương**. Đến năm 2017, T và anh N sống ly thân, sau đó anh N đi xuất khẩu lao động. Đến đầu năm 2020, T quen biết và sống chung như vợ chồng với anh Nguyễn Phúc A, đến năm 2021 T mang thai con của Phúc A, để có thể làm thủ tục kết hôn hợp pháp với anh Phúc A, T đã đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nộp đơn xin ly hôn anh N. Tuy nhiên, thời điểm này anh N đang lao động ở nước ngoài nên Tòa án chưa giải quyết được, nên T đã đến Tòa án rút lại đơn xin ly hôn. Khoảng tháng 03/2021, T đến Ủy ban nhân dân xã L, thị xã N xin giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để đăng ký kết hôn với anh Phúc A, thì được cán bộ tư pháp xã là anh Đậu Quốc V hướng dẫn, giải thích vì T đã từng kết hôn nên phải có Quyết định ly hôn với chồng cũ mới có thể cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để đăng ký kết hôn với anh Phúc A. Đến ngày 06/4/2021, T tiếp tục đến Ủy ban nhân dân xã L, tại đây T đưa cho anh V 01 Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự số 295/2020/QĐST-HNGĐ đề ngày 02/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương để xin giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. Khi được UBND xã xác nhận tình trạng độc thân, đến tháng 10/2021 T và anh Phúc A đến xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh đăng ký kết hôn.

Ngày 01/01/2023, do nghi ngờ Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nêu trên là giả nên Ủy ban nhân dân xã T đã báo cáo sự việc đến Công an xã T. Công an xã T chuyển tin báo tố giác về tội phạm đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Nghi Sơn.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự số 295/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương (do Ủy ban nhân dân xã T giao nộp, được niêm phong trong phong bì ký hiệu A1) và 01 Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự số 295/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương (do Phạm Thị T giao nộp, được niêm phong trong phong bì ký hiệu A2), đồng thời thu thập các mẫu so sánh tại Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương để phục vụ công tác giám định, gồm 05 tờ giấy A4 được đánh số thứ tự từ 01 đến 05 ghi thu hình dấu của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương (niêm phong trong phong bì ký hiệu M2); 05 tờ giấy A4 được đánh số từ 01 đến 05 ghi thu chữ ký của ông Q, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương (ký hiệu M1) và 01 Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương (phong bì ký hiệu M3).

* Tại Bản kết luận giám định số: 1677/KL-KTHS đề ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận (BL 97-98): 02 mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2, có:

- *Phần nội dung:*

+ *Không phải do cùng một bản in in ra.*

+ *Cùng phương pháp in và đều được in bằng phương pháp in laser.*

- *Phần chữ ký, hình dấu:*

+ *Do cùng một bản in in ra.*

+ *Cùng phương pháp in và đều được in bằng phương pháp in phun màu.*

* Tại Bản kết luận giám định số 5560/KL-KTHS đề ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận (BL 99):

- *Chữ ký đứng tên Mạc Minh Q dưới mục “CHÁNH ÁN” trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 không phải là chữ ký trực tiếp. Chữ ký cần giám định được tạo bằng phương pháp in phun màu.*

- *Hình dấu tròn có nội dung “TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG” dưới mục “CHÁNH ÁN” trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 không phải là hình dấu đóng trực tiếp. Hình dấu tròn cần giám định được tạo bằng phương pháp in phun màu.*

Về nguồn gốc tài liệu giả này, T khai trước đó T đã cung cấp thông tin cho Nguyễn Phúc A đặt làm, sau đó Phúc A đưa cho T Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự nêu trên nên T không biết nguồn gốc của các tài liệu này. Tuy nhiên, quá trình điều tra Phúc A không thừa nhận sự việc này, ngoài lời khai của Thủy thì không còn chứng cứ, tài liệu nào khác chứng minh Phúc A đã làm tài liệu giả như T khai báo nên không có căn cứ để xử lý đối với Phúc Anh.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra thu giữ các vật chứng sau:

- 01 Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự số 295/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương (do Phạm Thị T giao nộp).

- 01 Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự số 295/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương (do Ủy ban nhân dân xã T giao nộp).

- 01 phong bì niêm phong có hình dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tứ Kỳ - Hải Dương và chữ ký của Nguyễn Hoàng D, Phạm Văn Đ và Hoàng Đức N, bên trong có 01 Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự số 295/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương (do anh Hoàng Đức N giao nộp).

Sau giám định, các vật chứng được đưa vào hồ sơ vụ án theo quy định.

Tại bản Cáo trạng số 35/CT-VKSNS, ngày 25/01/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn đã truy tố Phạm Thị T về tội “ Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức ” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 341; điểm i, n, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức ”.

Đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tiếp tục lưu giữ hồ sơ vụ án 03 Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự giả ghi số 295/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi sử dụng Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự giả để xin giấy xác nhận tình trạng hôn nhân sau đó đăng ký kết hôn với Nguyễn Phúc A. Bị cáo không tranh luận với nội dung luận tội của Kiểm sát viên. Lời nói sau cùng bị cáo ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, Quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an thị xã Nghi Sơn, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Căn cứ định tội, định khung hình phạt đối với bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 06/4/2021 tại Ủy ban nhân dân xã Tùng Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Phạm Thị T đã có hành vi sử dụng tài liệu giả là Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự số 295/2020/QĐST-HNGĐ đề ngày 02/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương để xin xác nhận tình trạng hôn nhân độc thân, sau đó sử dụng giấy xác nhận này làm thủ tục đăng ký kết hôn trái pháp luật với anh Nguyễn Phúc A, sinh năm 1990, trú tại xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

Hành vi nêu trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Vì vậy, quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với Nguyễn Phúc A ngoài lời khai của T không có chứng cứ, tài liệu nào khác chứng minh Nguyễn Phúc A đã làm tài liệu giả như T khai báo nên không có căn cứ để xử lý đối với Nguyễn Phúc A.

[3] Đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Tính chất của vụ án tuy ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội trong lĩnh vực quản lý con dấu, tài liệu. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục bị cáo và răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[5] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân bị cáo là người có nhân thân tốt.

Tình tiết tăng nặng: bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ: bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; khi phạm tội bị cáo đang là phụ nữ có thai; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Quyết định hình phạt: Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, trên cơ sở cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: HĐXX xét thấy bị cáo là người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, nên không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, mà cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành người tốt. Việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

[7] Hình phạt bổ sung: bị cáo không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Xử lý vật chứng: 03 Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi số 295/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương có giá trị chứng minh tội phạm, nên tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

[9] Về án phí: Bị cáo bị kết án không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, n, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự. Tuyên bố Phạm Thị T, phạm tội “ Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức ”.

2. Xử phạt: Phạm Thị T 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND phường Bình Minh, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, lưu hồ sơ vụ án 03 Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự giả ghi số 295/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí HSST.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- CQCSĐT CA thị xã Nghi Sơn;
- THADS thị xã Nghi Sơn;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Sơn